

QUY TRÌNH NGƯỢC VÀ VẤN ĐỀ GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT CHO ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI HỌC LÀ CÁN BỘ NGOẠI GIAO NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

OUTCOMES-BASED EDUCATION AND THE ISSUES OF TEACHING
VIETNAMESE LANGUAGE TO OVERSEAS VIETNAMESE DIPLOMATS

*Nguyễn Kim Yến**

MỞ ĐẦU

Thiết kế chương trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo quy trình ngược đã được PGS.TS Nguyễn Chí Hòa đề cập trong báo cáo tham luận và trình bày tại Hội thảo *Giảng dạy Nghiên cứu Việt Nam học và Tiếng Việt* (2018). Quy trình “ngược” là một trong ba cách tiếp cận trong thiết kế chương trình đào tạo ngôn ngữ bao gồm thiết kế xuôi, thiết kế trung tâm và thiết kế ngược. Cách tiếp cận này, trong những năm gần đây đã nổi lên như một cách tiếp cận phát triển chương trình giảng dạy ngôn ngữ nổi bật. Trong bản tham luận này, chúng tôi sẽ không đi sâu vào phương diện lý thuyết của cách tiếp cận này mà tập trung vào việc ứng dụng những nội dung lý thuyết đó vào việc thiết kế chương trình giảng dạy tiếng Việt cho một đối tượng người học khá đặc biệt - cán bộ ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam. Việc thiết kế chương trình giảng dạy theo quy trình ngược cũng rất phù hợp với xu hướng giảng dạy ngoại ngữ hiện nay là “lấy người học làm trung tâm” mà có thể được coi là cuộc cách mạng giáo dục trong phạm vi toàn cầu.

1. Những nội dung cơ bản của thiết kế chương trình giảng dạy theo quy trình ngược

Quy trình ngược là cách xây dựng chương trình giảng dạy bắt đầu với một đặc điểm kỹ thuật đặc thù là kết quả học tập (đầu ra) được sử dụng như là cơ sở cho việc phát triển các quá trình giảng dạy đầu vào. Thiết kế ngược bắt đầu với một tuyên bố thận trọng về kết quả mong muốn hoặc đầu ra: hoạt động giảng dạy và nội dung thích hợp bắt nguồn từ kết quả học tập. Về lý thuyết, Taba (1962) đã đưa ra các bước theo cách tiếp cận này như sau:

- Bước 1: Chân đoán nhu cầu
- Bước 2: Xây dựng các mục tiêu
- Bước 3: Lựa chọn nội dung
- Bước 4: Tổ chức nội dung
- Bước 5: Lựa chọn phương pháp học tập
- Bước 6: Tổ chức học tập
- Bước 7: Xác định những gì cần đánh giá và cách thực hiện nó

(Nguyễn Chí Hòa, 2018, tr.250).

* Thạc sĩ, Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HN.

Có thể thấy, điểm nhấn của quy trình ngược là mục tiêu học tập. Mục tiêu học tập ở đây phải là những mục tiêu hết sức cụ thể như đạt được một trình độ nào đó hay phát triển được kỹ năng nào đó chứ không phải là những mục tiêu chung chung. Mục tiêu học tập sẽ là xuất phát điểm và là cơ sở để xây dựng nội dung giảng dạy. Mục tiêu học tập cũng định hướng việc lựa chọn các phương pháp và chiến lược dạy học thích hợp để thực hiện “bằng được” những mục tiêu này. Mục tiêu học tập của người học cũng biến người học thành trung tâm của lớp học ngoại ngữ mà giáo viên phải quan tâm hơn và thay đổi vai trò của mình trở thành người đồng hành, hướng dẫn người học trong quá trình học tập hơn là người quyết định, điều khiển và chi phối người học theo phương pháp của mình. Hơn nữa, quy trình ngược ở một mức độ nào đó cũng làm giảm áp lực thi cử cho cả người học và giáo viên khi giáo viên phát huy được những mặt mạnh của học viên và lựa chọn giải pháp cho học viên khắc phục những kỹ năng còn hạn chế. Nói một cách đơn giản hơn thì khi có trước kết quả đầu ra, cả giáo viên và người học sẽ biết rõ hơn mình cần phải làm gì để đạt kết quả đó và mình có thể đạt được ở mức độ nào.

Với đặc điểm cơ bản như vậy, thiết kế chương trình giảng dạy ngôn ngữ theo quy trình ngược rất phù hợp với việc đào tạo ngôn ngữ cho đối tượng là cán bộ ngoại giao nước ngoài.

2. Thiết kế chương trình giảng dạy tiếng Việt cho đối tượng người học là cán bộ ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam theo quy trình ngược

Cán bộ ngoại giao nước ngoài thường là những nhân viên thuộc cơ quan ngoại giao chính phủ (Bộ Ngoại giao). Họ được cử sang Việt Nam để làm việc trong một nhiệm kỳ (thường là 4 năm) và học tiếng Việt là một trong những nhiệm vụ bắt buộc trong danh sách các công việc của họ. Cơ quan chuyên trách việc đào tạo ngôn ngữ cho các cán bộ ngoại giao đã quy định và thống nhất việc sử dụng hệ thống chương trình giảng dạy với những nội dung và chủ đề cụ thể (Domains). Ngoài ra là một hệ thống đánh giá trình độ (Examination Modules) chuyên nghiệp và bài bản áp dụng cho tất cả các ngôn ngữ. Những hệ thống này đều được xây dựng trên cơ sở Khung quy chiếu về trình độ ngôn ngữ chung châu Âu (CEFR).

Việc học tiếng Việt thường tập trung vào giai đoạn đầu trước khi các cán bộ ngoại giao chính thức làm việc. Ở giai đoạn này, họ học toàn thời gian tại trường lớp bao gồm cả giai đoạn học trong nước (1 năm) và giai đoạn học tại Việt Nam (từ 3 tuần đến 6 tháng) và sau đó là những giờ học không tập trung (học ngoài giờ, học cuối tuần trong 4 năm) trong giai đoạn làm việc chính thức. Trong giai đoạn này, việc học tập được thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam. Việc học tập nhằm hai mục đích chính là thi cử để đạt được một trình độ cao hơn so với trình độ đạt được khi học ở trong nước và tìm hiểu, khám phá mọi mặt của đời sống, văn hóa, kinh tế, xã hội Việt Nam, tạo thuận lợi cho công việc và cuộc sống của họ tại Việt Nam. Có thể khái quát đặc điểm chương trình học của đối tượng người học này là:

(1) Kết quả đầu ra đã được xác định rõ ràng trước khi học (qua mục tiêu học tập);

(2) Chương trình học tập có những quy định bắt buộc và nguyên tắc riêng đã được xác định để đạt được kết quả đầu ra. Giai đoạn học tập ở Việt Nam là giai đoạn nối tiếp nên việc

thiết kế chương trình giảng dạy tại Việt Nam cũng bắt buộc phải tuân theo những quy định và nguyên tắc đó.

Như vậy, chương trình giảng dạy tiếng Việt cho các cán bộ ngoại giao ở giai đoạn học trong nước được thiết kế theo quy trình ngược. Vì thế, chương trình giảng dạy cho giai đoạn học tập ở Việt Nam cũng phải được xây dựng theo quy trình này. Việc này vừa có những thuận lợi nhưng cũng không tránh khỏi những khó khăn nhất định đối với giáo viên giảng dạy tại Việt Nam vốn quen với việc giảng dạy theo chương trình được thiết kế theo quy trình xuôi. Thực tế cho thấy, khi gửi học viên đến học tại cơ sở đào tạo tiếng Việt tại Việt Nam, các cơ quan chủ quản của người học thường “đặt hàng” chương trình giảng dạy theo tiêu chuẩn của họ ở trong nước để đảm bảo tính kế tục của chương trình đào tạo và việc học viên có thể tham dự kỳ thi đánh giá của họ chứ không theo hệ thống đánh giá của Việt Nam.

Chương trình giảng dạy tại Việt Nam theo quy trình ngược được thực hiện theo những bước sau đây (lấy trường hợp đối tượng người học là cán bộ ngoại giao của Bộ Ngoại giao Anh học tại Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt – Hà Nội làm ví dụ):

Bước 1: Xác định đối tượng người học

Giáo viên có thể bước đầu xác định đặc điểm đối tượng người học thông qua:

- Thời gian học tập: Thời gian học tập trong nước thường là 6 tháng đến một năm. Khóa học tại Việt Nam là khóa học kế tiếp, thời gian học tùy vào mục tiêu về trình độ muốn đạt được.

Ví dụ: Thời gian học tập quy định cho cán bộ ngoại giao Đại sứ quán Anh đã đạt trình độ B2 muốn thi lên trình độ C1 ít nhất là 150 giờ học.

- Trình độ tiếng Việt đã đạt được: thường từ A1 đến B2

- Đánh giá của giáo viên tiền nhiệm về học viên: những nội dung đánh giá của giáo viên tiền nhiệm ở nước ngoài thường được gửi đến giáo viên kế nhiệm với những nội dung cụ thể và chi tiết về nội dung đã học, tài liệu học tập đã sử dụng và ưu nhược điểm của học viên về các kỹ năng (nghe, nói, phát âm, đọc, viết, phiên dịch, biên dịch,...)

- Chuyên môn bao gồm học hàm, học vị, chuyên ngành đại học, các chức vụ đã kinh qua, công việc đã và sẽ đảm nhiệm và thông tin cá nhân của học viên bao gồm sở thích, thói quen, ngôn ngữ khác,... Hầu hết các cán bộ ngoại giao đều có thể nói ít nhất một ngôn ngữ khác bên cạnh tiếng mẹ đẻ là tiếng Anh. Tiếng Việt có thể được coi là “ngôn ngữ thứ ba”.

Bước 2: Xác định mục tiêu học tập

Các mục tiêu học tập của một cán bộ ngoại giao bao gồm:

(1) Học để làm các công việc chuyên môn như đàm phán ngoại giao, hội đàm chính trị, phiên dịch,... Với mục tiêu này, nội dung học tập vô cùng đa dạng và có tính chuyên ngành cao.

Ví dụ về một số nội dung học tập chuyên môn của cán bộ ngoại giao cấp cao của Đại sứ quán Anh. Những nội dung học tập này đã được thực hiện trong giai đoạn học tập tại Anh khoảng một năm.

- (a) UK foreign/domestic policy in general - Chính sách đối nội/đối ngoại của nước Anh
- Overseas territories - Lãnh thổ nước ngoài
 - Defence policy - Chính sách quốc phòng
 - Environment - Môi trường
 - UK public diplomacy - Chính sách ngoại giao
 - Interaction with media - Tương tác với truyền thông
 - Transport - Giao thông
 - Education - Giáo dục
 - Health - Y tế
- (b) Diplomatic life - Đời sống ngoại giao
- Cultural issues or events - Sự kiện và vấn đề văn hóa
 - Political parties/bodies - Đảng phái chính trị
 - Elections - Bầu cử
 - Current affairs - Các vấn đề thời sự
 - International political issues/conflicts - Các vấn đề/xung đột chính trị quốc tế
 - Terrorism - Chủ nghĩa khủng bố
 - Domestic/foreign policy of country/countries where examined language is spoken – Chính sách đối nội/đối ngoại của nước đang công tác

(2) Học để phát triển bản thân: Cán bộ ngoại giao nước ngoài thường có nhu cầu tìm hiểu văn hóa bản địa của quốc gia nơi công tác và nhu cầu được biết thêm một ngôn ngữ mới. Đây là mục tiêu phát triển tự thân của mỗi cá nhân người học đồng thời cũng góp phần tạo thuận lợi cho công việc ngoại giao trước mắt và sự nghiệp ngoại giao lâu dài của họ. Quan điểm của họ thường là học được một ngôn ngữ là học được cả một nền văn hóa mới và hiểu được văn hóa là hiểu được “phần hồn” của một quốc gia.

(3) Học để đạt được trình độ theo yêu cầu của cơ quan chủ quản (Bộ Ngoại giao hay Đại sứ quán). Với mục tiêu học tập này, giáo viên cần tham khảo tài liệu do cơ quan chủ quản của học viên gửi đến về chương trình giảng dạy được thực hiện tại Anh bao gồm cả những yêu cầu về năng lực ngôn ngữ cần đạt được và cách đánh giá để làm cơ sở xây dựng chương trình giảng dạy kế tiếp tại Việt Nam.

Ví dụ về nội dung tài liệu chương trình giảng dạy cho học viên cần đạt trình độ C1 theo tiêu chuẩn của Bộ Ngoại giao Anh.

Introduction - *Giới thiệu chung*

Definition of level of proficiency - *Định nghĩa về năng lực ngôn ngữ*

Expected levels of attainment - *Yêu cầu về trình độ cần đạt được*

Domains – *Nội dung (chủ đề) học tập*

Examples of target activities - *Đề xuất hoạt động học tập*

Examination features - *Đặc trưng của bài thi*

Examination Modules - *Nội dung chính của bài thi*

Oral Examination Module - *Dạng bài thi nói*

Listening Comprehension Examination Module - *Dạng bài thi nghe - hiểu*

Reading Comprehension Examination Module - *Dạng bài thi đọc - hiểu*

Translation Examination Module - *Dạng bài thi dịch*

Writing in the Foreign Language Examination Module - *Dạng bài thi viết*

Assessment Criteria - *Tiêu chí đánh giá trình độ*

Marking and Reporting Results - *Chấm điểm và nhận xét*

Sample Material - *Bài thi mẫu*

Tài liệu này quy định rõ ràng nội dung học tập và một chuẩn đầu ra cũng như những chiến lược học tập để đạt được chuẩn đầu ra đó. Chương trình giảng dạy tại Việt Nam cần bám sát những nội dung và yêu cầu trong tài liệu này.

(4) Học để sống và trải nghiệm ở Việt Nam: thuê nhà, mua hàng, đi du lịch, khám bệnh, giao lưu,... Đây là mục tiêu học tập phục vụ cho những nhu cầu của cá nhân và gia đình người học trong thời gian sinh sống ở Việt Nam nhưng hơn tất cả, đối với các cán bộ ngoại giao, họ thực sự mong muốn được xâm nhập vào cuộc sống của người Việt Nam thông qua việc giao lưu với người bản địa bình thường và sống như một thành viên của xã hội Việt Nam.

Bước 3: Xác định nội dung và kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để đạt được các mục tiêu học tập

Mặc dù nội dung học tập và yêu cầu đối với khóa học dành cho các cán bộ ngoại giao rất nhiều nhưng thực tế cho thấy do thời gian học tập trung (học hàng ngày tại trường lớp) ở Việt Nam không dài và thời gian học không tập trung (học cuối tuần, giờ nghỉ tại cơ quan) lại không liên tục nên không có đủ điều kiện để thực hiện toàn bộ những nội dung và yêu cầu như vậy. Do đó, cần xác định nội dung giảng dạy có trọng tâm, chú trọng việc nâng cao kỹ năng còn yếu và bổ sung kiến thức còn thiếu, đặc biệt là khắc phục những lỗi sai và mặt hạn chế của học viên. Một điểm dễ nhận thấy là môi trường học tiếng Việt trong nước của học viên cũng là một yếu tố tạo nên những vấn đề của học viên như lỗi phát âm, lỗi sử dụng từ ngữ chưa xác đáng với bối cảnh, ít phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, hạn chế về lỗi nói khẩu ngữ hay nói tiếng Việt bằng ngữ pháp tiếng Anh (ảnh hưởng từ phương pháp giảng dạy ngữ pháp - dịch) thậm chí là hiểu nhầm về văn hóa,... Giáo viên kế nhiệm tại Việt Nam cần chọn lọc và sắp xếp mức độ ưu tiên “giải quyết các vấn đề” của học viên để xây dựng chương trình học nhưng vẫn không được đi chệch khỏi khung chương trình đã được định sẵn.

Trong trường hợp của các cán bộ ngoại giao Anh, chương trình học thường chú trọng nâng cao kỹ năng nghe (tin vắn, bản tin, chuyên đề, phỏng vấn chuyên gia,...), kỹ năng nói

(bao gồm sửa phát âm, nâng cao khẩu ngữ, tương tác hội thoại, thuyết trình,...) và kỹ năng phiên dịch (dịch văn bản và dịch đối thoại) với các chủ đề được đề cập ở trên. Lý do xác định nội dung và các kỹ năng giảng dạy như vậy là vì người học đã có khả năng đọc hiểu rất tốt và hoàn toàn có thể tự đọc tài liệu tiếng Việt ngoài thời gian lên lớp, còn kỹ năng viết không phải là kỹ năng học viên lựa chọn cho bài kiểm tra đánh giá trình độ của mình. Hơn nữa, trong công việc chính thức, các cán bộ ở vị trí cao thường có thư ký riêng hoặc trợ lý ngôn ngữ chuyên trách việc soạn thảo văn bản, tài liệu chính thức.

Bước 4: Chuẩn bị kế hoạch lớp học

Sau khi nhận được những tài liệu từ phía cơ quan chủ quản của học viên, giáo viên cần có sự trao đổi trước với học viên về kế hoạch lớp học. Vì lúc này học viên vẫn chưa sang Việt Nam nên việc này thường được thực hiện qua e-mail. Giáo viên trên cơ sở những thông tin đã có về học viên để lập kế hoạch giảng dạy bao gồm cả những hoạt động giảng dạy cụ thể trên lớp và yêu cầu đối với học viên. Tuy nhiên, đây chỉ là bản kế hoạch dự thảo và giáo viên cần tính toán đến mọi khả năng thay đổi của kế hoạch sau khi gặp gỡ trực tiếp học viên và ngay cả trong quá trình thực hiện các bài giảng sau này. Việc trao đổi liên tục với học viên cũng cần được thực hiện trong suốt chương trình học để có thể thực hiện một chương trình giảng dạy phù hợp và có lợi nhất cho học viên. Các cán bộ ngoại giao luôn đưa ra những ý kiến và yêu cầu rất thẳng thắn và trực tiếp đối với giáo viên về kế hoạch giảng dạy này. Các nội dung của kế hoạch giảng dạy bao gồm:

- Mục tiêu của khóa học
- Hoạt động giảng dạy
- Yêu cầu đối với học viên
- Thời khóa biểu
- Danh sách giáo trình và nguồn tài liệu

Dưới đây là một ví dụ về kế hoạch giảng dạy cho một cán bộ ngoại giao Đại sứ quán Anh có trình độ B2.

1. Mục tiêu của khóa học

- Nâng cao các kỹ năng nghe hiểu (tin tức, bài phỏng vấn, chuyên đề), kỹ năng nói (phát âm, tương tác hội thoại, khẩu ngữ, thuyết trình), phiên dịch (dịch văn bản, dịch đối thoại);
- Cung cấp thông tin về văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị Việt Nam và những thông tin học viên quan tâm;
- Đạt được trình độ C1 theo tiêu chuẩn đánh giá năng lực ngoại ngữ của Bộ Ngoại giao Anh.

2. Hoạt động giảng dạy

- Luyện tập và sửa chữa phát âm;

- Hệ thống lại mẫu ngữ pháp cơ bản, luyện tập và mở rộng;
- Luyện tập nghe - hiểu tin tức, nói và hội thoại theo chủ đề, chú trọng giao tiếp với những tình huống giả định;
- Cung cấp bài đọc hiểu với những thông tin cập nhật, phong phú song song với việc phát triển từ vựng và ngữ pháp;
- Giới thiệu một số loại văn bản hành chính chuyên dụng (nếu cần);
- Luyện tập kỹ năng phiên dịch;
- Luyện tập kỹ năng thuyết trình theo chủ đề;
- Luyện tập kỹ năng làm bài thi C1.

3. Yêu cầu đối với học viên

- Tích cực phối hợp với giáo viên trong những tình huống giả định;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Tích cực thực hành tiếng Việt trong thực tế hàng ngày;
- Trao đổi và đưa ra ý kiến với giáo viên trong quá trình học tập.

4. Thời khoá biểu (cụ thể cho từng tuần)

Tuần....

<i>Thời gian</i>	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Kỹ năng	Khẩu ngữ	Nghe hiểu	Phiên dịch	Nghe hiểu	Đi thực tế
Chủ đề/ nội dung	Quán xá	Tin tức hàng ngày Chuyên đề: Đầu tư nước ngoài	Chương trình học bổng chính phủ Anh	Tin tức hàng ngày Chuyên đề: Những thành tựu của công cuộc đổi mới	Bảo tàng Dân tộc học

Bước 5: Chọn ngữ liệu và phương pháp giảng dạy

Giáo trình và tài liệu cho học viên B2 (nói trên)

- *Giáo trình Tiếng Việt nâng cao* – Nguyễn Thiện Nam (lựa chọn một số bài);
- *Giáo trình Contemporary Vietnamese (An intermediate text)* – Nguyễn Bích Thuận (lựa chọn một số bài);
- *Giáo trình Tiếng Việt nâng cao (cho sinh viên chuyên ngành Việt Nam học)* – Trần Nhật Chính (lựa chọn một số bài);
- *Tiếng Việt trong giao dịch thương mại* – Nguyễn Anh Quế;
- Bản tin VOV1;
- Tài liệu từ báo mạng và báo viết hàng ngày;
- Tài liệu do giáo viên tự biên soạn.

Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp giao tiếp;
- Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ;
- Phương pháp ngữ pháp - dịch,...

3. Một số cảm nhận ban đầu về việc giảng dạy theo quy trình ngược

Thiết kế chương trình giảng dạy theo quy trình ngược vẫn là một điều mới mẻ đối với các giáo viên dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại Việt Nam vốn vẫn quen với quy trình xuôi. Sự phức tạp sẽ tăng lên khi thiết kế chương trình giảng dạy cho đối tượng người học là các cán bộ ngoại giao nước ngoài bởi hai lý do sau đây:

- Chương trình giảng dạy tại Việt Nam là chương trình kế tiếp chương trình giảng dạy trong nước trước đó, không phải là chương trình được thiết kế từ đầu nên giáo viên khá bị động trong việc tiếp cận các nội dung chương trình giảng dạy.
- Chương trình giảng dạy phải được thiết kế theo khung chương trình giảng dạy và đánh giá năng lực có sẵn mà khung chương trình đó được xây dựng trên cơ sở Khung quy chiếu về trình độ ngôn ngữ chung châu Âu (CEFR) nên có một số nội dung và tiêu chuẩn chưa phù hợp với đặc thù của tiếng Việt.

Một số điểm cần chú ý khi giảng dạy cho đối tượng người học là cán bộ ngoại giao nước ngoài là:

- Học viên đã có thời gian dài tiếp nhận các phương pháp giảng dạy của giáo viên tiếng Việt ở trong nước nên có mong muốn giáo viên tại Việt Nam cũng tiếp tục giảng dạy theo những phương pháp đó. Tuy nhiên, cách tiếp cận phương pháp, trình độ giáo viên, quan điểm giảng dạy, kiến thức chuyên môn của giáo viên tiếng Việt ở hai nước có sự khác biệt đáng kể dẫn đến tình trạng học viên bị “khó” trong những ngày đầu tiếp thu bài giảng. Vấn đề này đòi hỏi giáo viên cần hết sức linh hoạt trong việc vận dụng phương pháp giảng dạy và chú ý đến phản ứng của học viên để có sự trao đổi tìm được tiếng nói chung về chương trình giảng dạy.
- Tiếng Việt là ngôn ngữ ít phổ biến ở nước ngoài nên môi trường ngôn ngữ hạn chế đã ảnh hưởng đến việc thụ đắc tiếng Việt của học viên khi học tại nước mình. Mặc dù hiện nay có nhiều phương thức tiếp cận nguồn thông tin về Việt Nam nhưng cũng có nhiều học viên đã bị sốc văn hóa ở những mức độ khác nhau sau khi được trải nghiệm việc học tập và sinh sống ở Việt Nam, đặc biệt là những học viên chưa bao giờ đến Việt Nam.
- Người học, có thể nói, đã bị “học lệch”, cụ thể là họ đặc biệt giỏi về từ ngữ chuyên ngành ngoại giao, kinh tế, chính trị cũng như lối nói nghi thức nhưng ít được tương tác thực tế nên khả năng khẩu ngữ và hội thoại hàng ngày còn hạn chế, thiếu tự nhiên. Trong rất nhiều trường hợp tương tác đơn giản cũng dùng những mẫu câu và từ vựng

phức tạp. Ngoài ra, họ đạt yêu cầu khi nghe những bài chuyên đề nhưng gặp nhiều khó khăn khi nghe những bài nghe phỏng vấn, bài hội thoại. Những nội dung về văn hóa truyền thống của Việt Nam như lễ hội, phong tục, tập quán cũng hạn chế hơn nhiều so với kiến thức chuyên ngành.

- Người học có nhiều mục tiêu học tập, trong đó học để phục vụ công việc và cuộc sống ở Việt Nam cũng như phát triển bản thân là những mục tiêu lâu dài. Mục tiêu trước mắt của người học vẫn là học để thi lên trình độ cao hơn. Do đó, ở một chừng mực nào đó, mục tiêu này khá thực dụng, ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý giáo viên khi giảng dạy.

Giáo viên giảng dạy tiếng Việt cho các cán bộ ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam cần có sự chuẩn bị tâm lý sư phạm vững vàng bên cạnh sự chuẩn bị về phương pháp giảng dạy và kiến thức chuyên môn. Trao đổi với học viên cả về phương pháp và kiến thức là giải pháp tốt trong quá trình giảng dạy đối tượng người học đặc biệt này.

KẾT LUẬN

Tiếng Việt ngày càng trở nên phổ biến thu hút nhiều đối tượng theo học. Việc giảng dạy tiếng Việt cho đối tượng người học là các cán bộ ngoại giao nước ngoài có thể nói là một nhiệm vụ đặc biệt. Tính chất đặc biệt của công việc giảng dạy này đòi hỏi giáo viên cần có những tìm tòi đổi mới phương pháp giảng dạy. Giảng dạy theo quy trình ngược tỏ ra là cách tiếp cận có hiệu quả và phát huy được tính tích cực của người học. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng giảng dạy lấy người học làm trung tâm trên thế giới hiện nay và chắc chắn sẽ còn được áp dụng trong một thời gian dài nữa.

Trong khuôn khổ của một bài tham luận, chúng tôi cũng chưa thể trình bày hết những vấn đề liên quan đến đề tài đặc biệt là nội dung về hệ thống đánh giá năng lực tiếng Việt mà rất nhiều nước đang áp dụng đối với cán bộ ngoại giao của nước mình. Hệ thống này có vai trò quan trọng và tác động trực tiếp đến việc thiết kế chương trình giảng dạy theo quy trình ngược. Chúng tôi mong có dịp được trình bày trong những bài tham luận tiếp theo. Rất mong nhận được ý kiến trao đổi của những học giả, thầy cô giáo có cùng mối quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, H. D (2000), *Principles of language learning and teaching* (4th edition). Longman, New York.
2. Nguyễn Chí Hòa (2018), “Thiết kế chương trình tiếng Việt theo quy trình ngược”, *Giảng dạy nghiên cứu Việt Nam học và Tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
3. Nunan David (1988), *Syllabus Design*, Oxford University Press, Oxford.
4. The UK Foreign and Commonwealth Office (2013), *Diplomatic Service Language Allowance Examinations – C1 (Operational) Level Syllabus*, London.